Số: 1923/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-05-01T09:09:53+07:00

Phụ lục 1
TỔNG ĐÀN VẬT NUÔI, SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM VẬT NUÔI CHỦ LỰC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2025	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026-2030					T/hiện 2025/ 2020 (%)	KH 2030/2025 (%)
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*11=5/4*	*12= 10/5*
1.1.	**Số lượng đàn vật nuôi chủ lực**										
-	Đàn bò	con	692.641	793.817	830.000	836.830	844.100	851.450	860.000	114,6	108,3
-	Đàn lợn	con	1.090.876	1.681.101	2.180.000	2.565.950	2.791.930	2.935.660	3.000.000	154,1	178,5
-	Đàn gia cầm	con	12.329.800	18.428.400	19.750.000	20.816.800	21.117.000	21.421.800	21.723.000	149,5	117,9
1.2.	**Sản lượng thịt hơi xuất chuồng**										
-	Thịt bò	tấn	70.936	90.750,20	110.000	115.080	120.880	126.255	131.760	127,9	145,2
-	Thịt lợn	tấn	172.549	315.603,60	410.000	472.990	510.260	533.025	541.500	182,9	171,6
-	Thịt gia cầm	tấn	34.076	59.483,20	62.300	65.865	70.150	74.090	78.035	174,6	131,2

Phụ lục 2

TỔNG HỢP TRANG TRẠI CHĂN NUÔI, CHĂN NUÔI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Loại vật nuôi	Năm	Tổng đàn vật nuôi (con)	Số trang trại	Tổng đàn trong trang trại (con)	Tỷ lệ vật nuôi trong trang trại (%)	Số cơ sở chăn nuôi ứng dụng CNC	Tổng đàn chăn nuôi úng dụng CNC (con)	Tỷ lệ chăn nuôi ứng dụng CNC/Tổng đàn (%)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4*	*8*	*9*	*10=9/4*
1	**Bò**	2025	793.817	155	84.429	10,6%	07	74.771	9,4%
		2030	860.000	158	167.747	19,5%	10	158.089	18,4%
2	**Heo**	2025	1.681.101	467	955.085	56,8%	83	730.048	43,3%
		2030	3.000.000	553	2.271.504	75,7%	169	1.984.000	66,1%
3	**Gia cầm**	2025	18.428.400	169	5.019.054	27,2%	19	2.313.000	12,6%
		2030	21.723.270	171	8.313.924	38,3%	21	5.513.000	25,4%

Phụ lục 3

TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN CHĂN NUÔI (Tính đến ngày 05 tháng 02 năm 2025)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Loại vật nuôi	Tổng		Đang hoạt động			Đã cấp Chủ trương đầu tư		Đang đề nghị cấp CTĐT		Ghi chú
		Số dự án	*CS thiết kế (con)*	*Số dự án*	*CS thiết kế (con)*	*Quy mô hoạt động*	*Số dự án*	*CS thiết kế (con)*	*Số dự án*	*CS thiết kế (con)*	
1	Bò	10	158.089	07	120.720	74.771			03	37.369	
2	Heo	233	4.959.181	56	1.332.064	667.469	96	1.690.172	81	1.936.945	
3	Gia cầm	14	5.889.500	10	2.638.700	2.195.534	02	3.165.000	02	85.800	
4	Tằm	01							01	170.000 hộp trứng, 20.000 hộp tằm con	
	Tổng	**258**		**73**			**98**		**87**		

Phụ lục 4

CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI ĐANG HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên cơ sở, Chủ cơ sở	Địa chỉ	Loại sản phẩm	C/suất thiết kế (tấn/năm)	Thị trường tiêu thụ
1	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi của Công ty Cổ phần Diên Hồng Gia Lai	Làng Brọch Siêu, xã Chư Krey, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	15.000	Bán cho các trang trại chăn nuôi của Công ty
2	Công ty cổ phần Nông nghiệp Đăk Ram	Làng Blen, xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	65.000	Bán cho các trang trại chăn nuôi của Công ty
3	Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam, chi nhánh Bình Định	Lô B2, B3, B4, B5 - KCN Nhơn Hòa, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh	180.000	Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa
4	Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam - Nhà máy thức ăn gia súc Bình Định	Lô A2.1, A2.2, A2.3, A2.4 - KCN Nhơn Hòa, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh	732.000	Khánh Hòa, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế
5	Công ty TNHH Dinh Dưỡng Động Vật EH Bình Định Việt Nam	Lô D5 - KCN Phú Tài, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc	50.000	Khánh Hòa, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế
6	Công ty TNHH ANT (MV)	Lô A1.5 và A1.6 KCN Nhơn Hòa, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh	288.000	Khánh Hòa, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Quảng Trị
7	Công ty CP Greenfeed VN-CN Bình Định	Lô D2.2 KCN Nhơn Hòa, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh	300.000	Quảng Trị, Khánh Hoà, Gia Lai, Đắk Lắk
8	Công ty TNHH Cagill Việt Nam	Lô B1-6, Khu CN Long Mỹ, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn	240.000	Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk

STT	Tên cơ sở, Chủ cơ sở	Địa chỉ	Loại sản phẩm	C/suất thiết kế (tấn/năm)	Thị trường tiêu thụ
		Gia Lai	nuôi chứa kháng sinh		Lắk, Khánh Hòa
9	Công ty TNHH CJ VINA AGRI - Chi nhánh Bình Định	Lô B6 KCN Nhơn Hòa, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh	384.000	Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai,, Đắk Lắk, Khánh Hòa
10	Công ty CP FUJINUCO	Lô C15, KCN Phú Tài, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc	60.000	Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk
11	Công ty TNHH AUSTFEED Bình Định	Lô L1-4 KCN Nhơn Hội (Khu B), KKT Nhơn Hội, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc	200.000	Đà Nẵng, Quãng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Khánh Hòa
12	Chi nhánh Công ty TNHH De Heus tại Bình Định	Lô A1.3.1, A1.4, Khu công nghiệp Nhơn Hòa, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh	180.000	Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa
13	Công ty cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc - Chi nhánh Bình Định	Lô A2-5 và Lô A2-6, KCN Nhơn Hoà, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh	745.000	Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa
14	Công ty CP Hồng Hà Bình Định	Xóm Trực Sơn, tổ dân phố Trung Ái, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh	120.000	Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa
15	Công ty TNHH Hải Long Bình Định	Lô C2, KCN Hòa Hội, xã Hòa Hội, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	200.000	Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa
16	Công ty TNHH New Hope Bình Định	Lô D2.3, KCN Nhơn Hòa, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc	150.000	Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa

STT	Tên cơ sở, Chủ cơ sở	Địa chỉ	Loại sản phẩm	C/suất thiết kế (tấn/năm)	Thị trường tiêu thụ
17	Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Fago chi nhánh Miền trung	Lô B6.01, KCN Nhơn Hội - Khu A, Khu Kinh tế Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, phường Quy thành Đông, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc	120.000	Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, TP.HCM
18	Công ty TNHH BIGRFEED Bình Định	Lô E4.2, khu công nghiệp Nhơn Hoà, khu vực Tân Hoà, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc	250.000	Gia Lai
	Tổng cộng Cơ sở SXTA công nghiệp			**4.279.000**	
19	Công ty TNHH Phước An	Thôn Ngọc Thạnh, xã Tuy Phước Tây, tỉnh Gia Lai	**Mỡ bò, mỡ cá, dầu cọ**	1.500	Bán cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn Đông Gia Lai
20	Công ty TNHH Tổng hợp Hoàng Dũng	Thôn Phong An, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai	**Cám gạo, bã đậu phộng**	5.000	Bán cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn Đông Gia Lai
21	Tổng kho nông sản VinaFood1- Chi nhánh tổng công ty lương thực miền Bắc	Lô 09 khu QHDC đảo 1A Bắc sông Hà Thanh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	**Cám gạo**	3.000	Bán cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn Đông Gia Lai
22	Công ty TNHH Thuận Phát QN	514 Bạch Đằng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	**Cám gạo, tấm gạo**	3.000	Bán cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn Đông Gia Lai
23	Công ty TNHH Dịch vụ thương mại tổng hợp Cát Nguyên	Lô Q-41 tại khu Q thuộc KĐT Bắc Sông Tân An, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai	**Cám gạo, tấm gạo**	3.000	Bán cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn Đông Gia Lai
24	Chi nhánh Công ty TNHH	Lô C2, Cụm công nghiệp An	**Bã mì, mì lát**	900	Bán cho các nhà máy chế

STT	Tên cơ sở, Chủ cơ sở	Địa chỉ	Loại sản phẩm	C/suất thiết kế (tấn/năm)	Thị trường tiêu thụ
	Việt Phúc tại tỉnh Bình Định	Trường, xã An Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai			biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn Đông Gia Lai
25	Công ty TNHH TTK GLOBAL	Thôn 8, xã Ia Krái, Tỉnh Gia Lai	**Thức ăn truyền thống**	1.500	Bán cho các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi
	Tổng cộng Cơ ở SXTA Truyền thống			**17.900**	

Phụ lục 5

CÁC CƠ SỞ GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TẬP TRUNG ĐANG HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Công suất thiết kế
1	Công ty TNHH Sản Xuất Chế Biến Thực Phẩm Quy Nhơn	Tổ 21, khu vực 3, phường Quy Nhơn	700 con heo thịt/ ngày ; 1.000 con heo sữa/ ngày; 30 con trâu bò/ ngày; 2.000 con gia cầm/ ngày; 1000 tấn thịt đông lạnh/ năm
2	Công ty TNHH Thực phẩm sạch Bình Định	Tổ3, khu vực 9, phường Quy Nhơn Bắc	200 con heo thịt, 30 con bò, 2.000 con gia cầm
3	Cơ sở thu mua và Giết mổ gia cầm tập trung Thanh Lang-Bình Minh	Tổ 66, khu vực 8, phường Quy Nhơn Đông	1.000 con gia cầm/ ngày
4	Công ty TNHH Sản Xuất Chế Biến Thực Phẩm Quy Nhơn	Thôn Tân Dương, xã An Nhơn Đông	500 con heo thịt, 30 con trâu bò, 1.000 con gia cầm
5	Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam – Chi nhánh NM2 tại Bình Định	Lô E1,2,10,11 Phường An Nhơn Nam	1.000 con heo/ ngày
6	Công ty TNHH Dũng Khang	xã An Nhơn Tây	2.000 con gia cầm
7	CSGM Văn Thị Thảo	Thôn Kê, xã Chư Sê	250- 350 con/ ngày
8	Cơ sở giết mổ động vật tập trung huyện	Tổ 5, xã Phú Túc	
9	Cơ sở giết mổ động vật Phạm Khắc Vĩnh	Tổ 6, xã Ia Grai	50 con heo/ ngày
10	Cơ sở giết mổ động vật Nguyễn Xuân Quang	TDP3, xã Đức Cơ	2 con bò, 30 con heo/ngày
11	CT CP Chăn nuôi Gia Lai	xã Lơ Pang	50 con heo/ ngày

Phụ lục 6

QUY HOẠCH CÁC CƠ SỞ GIẾT MỔ ĐỘNG VẬT TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên xã, phường cần bố trí quy hoạch	Hình thức đầu tư	Loại hình giết mổ	Công suất Giết mổ/ngày đêm (con)					Diện tích đề xuất QH (m^2)
				T.bò	Heo hịt	Heo sữa	Gia cầm	Sản phẩm (Tấn/ngày)	
1	Phường Hoài Nhơn Nam	XD mới năm 2027	Loại I	30	400	2.000	1.000		26.496
2	Xã Hòa Hội	XD mới năm 2026	Loại I	10	500		40.000	10.000	162.700
3	Xã Hoài Ân	XD mới năm 2027	Loại II	10	200		1.000		7.000
4	Xã Mỹ Tây	XD mới năm 2027	Loại II	10	200		1.000		7.000
5	Xã Tây Sơn	XD mới năm 2028	Loại II	10	200		1.000		7.000
6	Xã Vân Canh	XD mới năm 2028	Loại III	5	50		300		3.000
7	Xã Vĩnh Thạnh	XD mới năm 2028	Loại III	5	50		300		3.000
8	Xã An Hòa	XD mới năm 2026	Loại III	5	50		300		3.000
9	P. An Phú	XD mới năm 2027	Loại II	5	100		850		10.000
10	P. Diên Hồng	XD mới năm 2027	Loại II	5	100		850		8.537
11	P. Plei Ku	XD mới năm 2026	Loại II	5	100		850		10.000
12	P. An Bình	XD mới năm 2027	Loại II	5	190		3000		10.000
13	X. Ia Sao	XD mới năm 2027	Loại II	7	100		500		15.000
14	X. Chư Păh	XD mới năm 2028	Loại III	10	30				10.000
15	X. Biển Hồ	XD mới năm 2030	Loại III	10	30				10.000
16	X. Ia Grai	XD mới năm 2027	Loại III	5	50				20.000
17	X. Chư Prông	XD mới năm 2027	Loại III	5	50				8.700
18	X. Chư sê	XD mới năm 2028	Loại I	5	500				30.000
19	X. Phú Thiện	XD mới năm 2028	Loại III	7	70		400		5.000
20	X. Phú Túc	XD mới năm 2028	Loại III	10	32				10.000

STT	Tên xã, phường cần bố trí quy hoạch	Hình thức đầu tư	Loại hình giết mổ	Công suất Giết mổ/ngày đêm (con)					Diện tích đề xuất QH (m^2)
				T.bò	Heo hịt	Heo sữa	Gia cầm	Sản phẩm (Tấn/ngày)	
21	X. Ia Pa	XD mới năm 2027	Loại III	4	50				15.000
22	X. Kông Chro	XD mới năm 2028	Loại II	10	90		500		12.000
23	X. Kông Bơ La	XD mới năm 2027	Loại III	10	80		500		2.000
24	X. Mang Yang	XD mới năm 2028	Loại III	5	45				2.200
25	X. Chư Pưh	XD mới năm 2030	Loại III	3	20				3.236
26	X. Ia Le	XD mới năm 2030	Loại III	2	17				2.000
27	X. Ia Hrú	XD mới năm 2029	Loại III	2	17				1.500
28	X. Ia Ko	XD mới năm 2029	Loại III	2	17				2.000
29	Ia Dơk	XD mới năm 2029	Loại III	1	50				5.000
30	Ia Dom	XD mới năm 2029	Loại III	1	50				5.000
31	X. Đak Đoa	XD mới năm 2028	Loại II	10	140		500		5.057

Ghi chú:

- **Loại I:** là hình thức cơ giới (Là cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo hệ thống dây chuyền công nghiệp; công suất giết mổ tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 con gia súc và 2.000 con gia cầm/ngày đêm/cơ sở).

- **Loại II:** là hình thức bán cơ giới (Là cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm có 01 phần hệ thống dây chuyền công nghiệp trong quá trình giết mổ; công suất giết mổ tối thiểu 100 con gia súc hoặc 1.000 con gia cầm/ngày đêm/cơ sở).

- **Loại III:** là hình thức thủ công: Là cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giết mổ thủ công nhưng phải đảm bảo mổ treo; công suất giết mổ tối thiểu 30 con gia súc hoặc 500 con gia cầm/ngày đêm/cơ sở.

Phụ lục 7

CÁC VÙNG CHĂN NUÔI TRỌNG ĐIỂM (07 VÙNG)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

Vùng 1: Vùng chăn nuôi bò thịt cao sản, lợn, gia cầm

- Gồm 08 xã: Ia Puch, Ia Lâu, Ia Pia, Ia Boong, Ia Ko, Chư Sê, Albá, Ia Le.

- Trên địa bàn Vùng 1 có 82 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi với tổng diện tích 6.154,96 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng dự án là 16.345,13 tỷ đồng (*chưa bao gồm vốn đầu tư vào vật nuôi*), với quy mô dự án 138.400 con bò, 1.400.160 con heo, trong đó: 53 dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư, 29 dự án đang xin chủ trương đầu tư.

- Hiện có 25 dự án chăn nuôi đã hoạt động với số lượng 53.000 con bò, 334.650 con heo.

Vùng 2: Vùng chăn nuôi bò thịt cao sản, bò sữa, heo, gia cầm.

- Gồm 10 xã: Phú Thiện, Chư A Thai, Pờ Tó, Ia Pa, Chư Krey, Kông Chro, Chơ Long, Kon Chiêng, Lơ Pang, Mang Yang.

- Trên địa bàn Vùng 2 có 76 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi với tổng diện tích 4.596,21 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng dự án là 14.231,31 tỷ đồng (*chưa bao gồm vốn đầu tư vào vật nuôi*), với quy mô dự án 14.000 con bò (4.000 con bò thịt, 10.000 con bò sữa), 2.306.495 con heo, trong đó: 40 dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư (19 dự án chăn nuôi đã hoạt động với số lượng 14.000 con bò, 172.714 con heo) và 36 dự án đang xin chủ trương đầu tư.

Vùng 3: Vùng chăn nuôi heo và bò thịt

- Gồm 04 xã: Phú Túc, Uar, Ia Rsai, Ia Dreh.

- Có 18 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi với tổng diện tích 456 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng dự án là 2.108 tỷ đồng, chưa bao gồm vốn đầu tư vào vật nuôi với quy mô dự án 265.720 con heo (17.000 con heo nái bố mẹ, 238.000 con heo thịt, 720 con heo đực, 10.000 con heo con), trong đó: 12 dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư (01dự án chăn nuôi heo đã hoạt động với số lượng 24.000 con heo), 06 dự án đang xin chủ trương đầu tư.

Vùng 4: Vùng chăn nuôi heo và gia cầm.

- Gồm 04 xã: Sơn Lang, Kbang, Tơ Tung, Đak Pơ.

- Trên địa bàn Vùng 4 có 10 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi với tổng diện tích 236 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng dự án là 1.571 tỷ đồng, chưa bao gồm vốn đầu tư vào vật nuôi, với quy mô dự án 4.420 con bò, 212.950 con heo (4.000 con heo nái ông bà, 110.900 con heo nái bố mẹ, 98.000 con heo thịt, 50 con heo đực), trong đó: 09 dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư (05 dự án chăn nuôi đã hoạt động với số lượng 4.420 con bò, 13.637 con heo, 29.000 con gà) và 01 dự án đang xin chủ trương đầu tư.

Vùng 5: Vùng chăn nuôi bò thịt cao sản, heo, gia cầm Bình Khê, Vĩnh Quang

- Gồm 02 xã Bình Khê và Vĩnh Quang.

- Có 06 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư với tổng diện tích 115,88 ha, với quy mô dự án 26.440 con heo (5.900 con heo nái bố mẹ, 56.000 con heo thịt, 40 con heo đực), 1.800.000 con gà trong đó 01 dự án chăn nuôi gà trứng – gà hậu bị đã đi vào hoạt động; phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ.

Vùng 6: Vùng chăn nuôi bò sữa, heo An Nhơn Tây.

- Gồm xã An Nhơn Tây

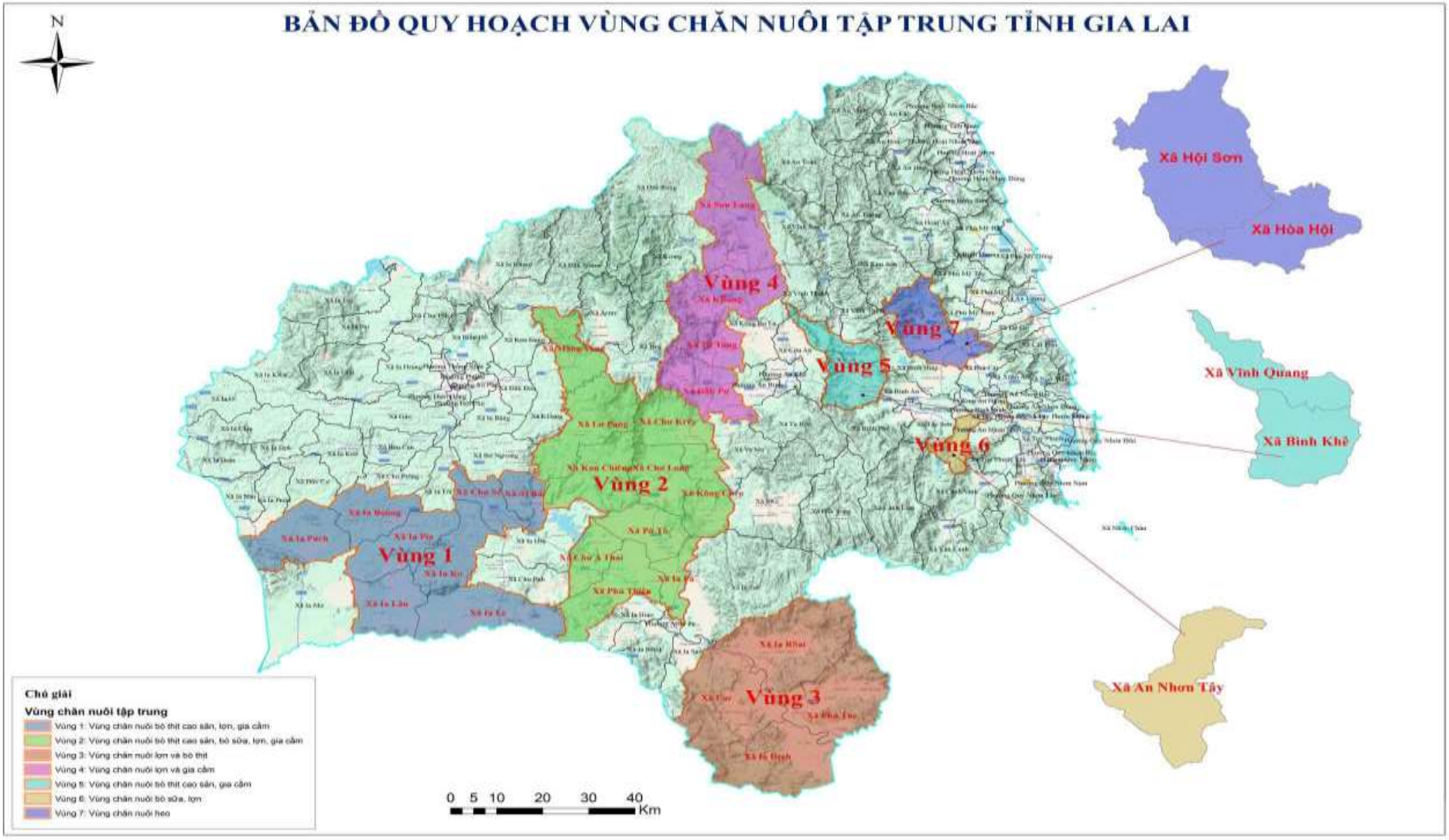
- Có 06 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 198,82 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng dự án là 617 tỷ đồng, chưa bao gồm vốn đầu tư vào vật nuôi với quy mô dự án 2.400 con bò sữa, 12.000 con heo (6.000 con heo nái bố mẹ, 6.000 con heo thịt), 504.000 con gà.

- Vùng này có khu chăn nuôi tập trung Nhơn Tân, vùng lân cận có Công ty Giống Gia cầm Minh Dư, Trang trại heo nái bố mẹ Bình Định Xanh 2.400 nái bố mẹ. Trại bò sữa đang đề nghị điều chỉnh nâng công suất lên 4.000 con bò sữa.

Vùng 7: Vùng chăn nuôi heo Hoà Hội và Hội Sơn.

- Gồm 02 xã Hội Sơn và Hòa Hội

- Trên địa bàn có 06 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi với tổng diện tích 208,81 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng dự án là 520,94 tỷ đồng, chưa bao gồm vốn đầu tư vào vật nuôi, với quy mô dự án 97.500 con heo (500 con heo nái cụ kỵ, 8.600 con heo nái ông bà, 10.400 con heo nái bố mẹ, 78.000 con heo thịt), trong đó: 04 dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư (02 dự án chăn nuôi heo đã hoạt động với số lượng 38.500 con heo), 02 dự án đang xin chủ trương đầu tư.


BẢN ĐỒ QUY HOẠCH VÙNG CHĂN NUÔI TẬP TRUNG TỈNH GIA LAI
N
Vùng 1
Vùng 2
Vùng 3
Vùng 4
Vùng 5
Vùng 6
Vùng 7
Xã Hội Sơn
Xã Hòa Hội
Xã Vĩnh Quang
Xã Bình Khê
Xã An Nhơn Tây
Chú giải
Vùng chăn nuôi tập trung
Vùng 1: Vùng chăn nuôi bò thịt cao sản, lợn, gia cầm
Vùng 2: Vùng chăn nuôi bò thịt cao sản, bò sữa, lợn, gia cầm
Vùng 3: Vùng chăn nuôi lợn và bò thịt
Vùng 4: Vùng chăn nuôi lợn và gia cầm
Vùng 5: Vùng chăn nuôi bò thịt cao sản, gia cầm
Vùng 6: Vùng chăn nuôi bò sữa, lợn
Vùng 7: Vùng chăn nuôi heo
0 5 10 20 30 40
Km

Phụ lục 8
CƠ SỞ SẢN XUẤT PHÂN BÓN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ cơ sở sản xuất	*Công suất (tấn/năm)*
I	**Doanh nghiệp - Dự án đang hoạt động**		
1	Công ty cổ phần Công Nông nghiệp Tiến Nông	xã Chư Sê	18,000
2	Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp và Thương mại An Hưng	xã Ia Băng	4,000
3	Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	Phường An Phú	8,000
4	Nhà máy vi sinh - Chi nhánh Tổng Công ty 15	xã Ia Hrung	11,000
5	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Smart Bio Việt Nam	xã Chư Sê	1,000
6	Công ty TNHH Phát triển Khoa học và Quốc tế Trường Sinh (Trường Sinh Group) ở Gia Lai (cụm nhà máy chế biến dược liệu, thực phẩm trường sinh và phân bón hữu cơ sinh học công nghệ cao)	Phường Thống Nhất	10,000
7	Công ty TNHH Hùng Phú Gia Lai	Phường Pleiku	950
8	Công ty TNHH thương mại - chế biến nông lâm sản - Đường Vạn Phát	xã Phú Túc	10,000
9	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Thành Thành Công – Chi nhánh Gia Lai	Xã Ia Sao	9,000
10	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Smart Bio Việt Nam	xã Chư Sê	9,500
11	Công ty TNHH một thành viên Quế Lâm Tây Nguyên	xã Ia Tôr	19,200
12	Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Thành Hưng	phường Quy Nhơn Tây	9,500
13	Công ty cổ phần công nghệ hữu cơ Thái An	xã An Nhơn	2,000

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ cơ sở sản xuất	*Công suất (tấn/năm)*
14	Công ty TNHH Thái An Bình Định	Xã Tây Sơn	4,200
15	Công Ty TNHH Hóa Sinh Sơn Hà	Phường Quy Nhơn Bắc	5,000
16	Công ty Cổ Phần Chế phẩm sinh học AUST	Phường Quy Nhơn	10,000
17	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Khang Điền	Xã H'Bông	8,000
18	Công ty TNHH Thái An Bình Định	Xã Tây Sơn	4,200
19	Công Ty TNHH Hóa Sinh Sơn Hà	Phường Quy Nhơn Bắc	5,000
20	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Khang Điền	Xã H'Bông	8,000
	Doanh nghiệp - Dự án đang triển khai		**69,300**
1	Công ty TNHH Phân bón Hà My	Xã Tây Thuận	7,000
2	Hợp tác xã Organic Phú Lợi	Phường An Bình	1,800
3	Công ty TNHH phân bón Trung Tây Nguyên (Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ sinh học)	Xã Ya Hội	20.000
4	Công ty TNHH kinh doanh hàng xuất khẩu Quang Đức (TNHH)	Xã Ia Mơ	30,000
5	Công ty TNHH MTV Sinh học Minh Hoàng Gia Lai	Phường Pleiku	20,700
6	Công ty cổ phần Phân bón và Dịch vụ tổng hợp Bình Định	Xã Phù Mỹ	9,800

Phụ lục 9

DANH MỤC KÊU GỌI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, SẢN XUẤT THUỐC THUÝ, SẢN XUẤT PHÂN HỮU CƠ VI SINH, CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư mới	Mục tiêu và quy mô dự án
1	Nhà máy chế biến súc sản	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ heo như: các loại thịt tươi, giò, chả, đồ hộp với công suất khoảng 150.000 tấn sản phẩm/năm phục vụ nhu cầu xuất khẩu và trong nước
2	Nhà máy chế biến, sản xuất nguyên, phụ liệu ngành thức ăn chăn nuôi	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Sản xuất các loại nguyên, phụ liệu ngành thức ăn nuôi như: bột cá, bột thịt; các loại vitamin, khoáng chất, chất tạo màu, mùi
3	Nhà máy sản xuất và phân phối các loại thịt chế biến, xúc xích, và thực phẩm tiện lợi	Lô A10, KCN Becamex Bình Định	Đầu tư nhà máy sản xuất và phân phối các loại thịt chế biến, xúc xích, và thực phẩm tiện lợi
4	Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Gia Lai	CCN Hội Phú	Đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi
5	Nhà máy sản xuất phân hữu cơ khoáng	CCN Hội Phú	Đầu tư nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ
6	Nhà máy phân bón hữu cơ từ phụ phẩm, công suất 20.000 tấn/năm	CCN Mang Yang 2	Đầu tư nhà máy phân bón hữu cơ từ phụ phẩm, quy mô công suất 20.000 tấn/năm
7	Cơ sở chế biến gia súc, gia cầm tập trung	Phường An Nhơn Đông	Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến tập trung, công suất chế biến (con/ngày đêm): 30 trâu bò, 400 heo và 1.000 gia cầm
8	Cơ sở chế biến tập trung 1	Phường Hoài Nhơn Nam	Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến tập trung
9	Cơ sở chế biến gia súc, gia cầm tập trung	Xã An Hòa	Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến tập trung, công suất chế biến (con/ngày đêm): 5 trâu bò, 500 heo và 300 gia cầm
10	Cơ sở chế biến gia súc, gia cầm tập trung	Xã Phù Cát	Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến tập trung, công suất (con/ngày đêm): 10 trâu bò, 200 heo và 1.000 gia cầm

TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư mới	Mục tiêu và quy mô dự án
11	Cơ sở chế biến gia súc, gia cầm tập trung	Xã Tây Sơn	Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến tập trung, công suất (con/ngày đêm): 10 trâu bò, 200 heo và 1.000 gia cầm
12	Nhà máy chế biến súc sản	Xã Tây Sơn	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ gia súc, gia cầm
13	Cơ sở chế biến gia súc, gia cầm tập trung	Xã Vân Canh	Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến tập trung, công suất (con/ngày đêm): 5 trâu bò, 500 heo và 300 gia cầm
14	Cơ sở chế biến gia súc, gia cầm tập trung	Xã Vĩnh Thạnh	Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến tập trung, công suất (con/ngày đêm): 30 trâu bò, 400 heo và 1.000 gia cầm
15	Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp	Khu vực tây Gia Lai	Đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, công suất khoảng 700 nghìn tấn/năm
16	Nhà máy sản xuất thuốc thú y, vắc xin	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Đầu tư dự án sản xuất thuốc thú y, vắc xin, giá trị sản xuất khoảng 200 tỷ đồng/năm.
17	Nhà máy sản xuất phân vi sinh hữu cơ từ chất thải chăn nuôi	Khu vực tây Gia Lai	công suất trên 20 nghìn tấn/năm

Phụ lục 10

BẢNG PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả
01	Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	Quý II/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh
02	Phối hợp triển khai các Đề án của Trung ương trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	Thường xuyên	Các đề án của Trung ương được triển khai trên địa bàn tỉnh
03	Xây dựng Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình lai tạo đàn bò, phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, dự kiến trình thông qua tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	Quý III/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh
04	Xây dựng Chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	Quý III/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh
05	Xây dựng Chính sách hỗ trợ xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	Quý II/2027	Nghị quyết HĐND tỉnh
06	Xây dựng Chính sách kiện toàn mạng lưới thú y cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	Quý II/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh
07	Triển khai các Chính sách về chăn nuôi, thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các phường, xã	Thường xuyên	Các Chính sách được triển khai thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả
08	Xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng các dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi, cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến sâu sản phẩm chăn nuôi	Sở Tài Chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Các dự án đầu tư
09	Mở rộng hoạt động xúc tiến thương mại cho sản phẩm chăn nuôi	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Thường xuyên